

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Licogi 16

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 43

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên	
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Văn Công	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xây dựng	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
Ông Phí Ngọc Anh	Giám đốc Kinh Tế Kế Hoạch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
	Giám đốc Xây dựng	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc Bất động sản	
Bà Cao Thị Mai Lê	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60992762/18590403/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.462.986.370.658	1.358.264.824.754
110	I. Tiền	4	53.869.611.161	22.761.299.104
111	1. Tiền		53.869.611.161	22.761.299.104
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.113.376.362.153	1.059.285.168.571
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	728.047.952.002	670.982.547.899
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	227.337.674.613	184.504.685.416
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.458.917.302	4.944.279.412
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	182.472.472.819	230.506.086.783
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(28.940.654.583)	(31.652.430.939)
140	III. Hàng tồn kho	9	260.830.199.044	238.819.535.104
141	1. Hàng tồn kho		260.830.199.044	238.819.535.104
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		34.910.198.300	37.398.821.975
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	9.617.545.173	11.231.352.345
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		25.292.653.127	26.167.469.630
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		901.744.543.818	903.958.073.250
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		100.867.989.843	118.826.373.586
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	100.865.989.843	118.824.373.586
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.000.000	2.000.000
220	II. Tài sản cố định		103.413.465.926	93.847.592.703
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	97.923.919.487	86.785.280.922
222	Nguyên giá		134.582.434.413	410.336.328.740
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(36.658.514.926)	(323.551.047.818)
227	2. Tài sản vô hình	12	5.489.546.439	7.062.311.781
228	Nguyên giá		9.665.060.000	10.637.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.175.513.561)	(3.574.748.219)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		72.599.051.281	73.893.674.104
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	72.599.051.281	73.893.674.104
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	623.492.843.999	614.506.362.899
251	1. Đầu tư vào công ty con		131.285.346.377	136.737.706.377
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		630.233.593.569	615.843.593.569
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(138.026.095.947)	(138.074.937.047)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.371.192.769	2.884.069.958
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.371.192.769	2.884.069.958
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.364.730.914.476	2.262.222.898.004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.301.154.035.371	1.236.667.811.215
310	I. Nợ ngắn hạn		1.257.828.765.122	1.224.424.318.385
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	303.719.120.893	335.595.243.894
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	266.520.028.776	243.667.501.874
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.864.848.522	8.153.920.134
314	4. Phải trả người lao động		4.148.234.751	3.732.674.870
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	144.910.415.899	106.109.656.754
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	75.995.612.828	78.510.132.079
320	7. Vay ngắn hạn	20	439.429.545.297	430.157.438.958
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.240.958.156	18.497.749.822
330	II. Nợ dài hạn		43.325.270.249	12.243.492.830
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	65.443.351	65.443.351
338	2. Vay dài hạn	20	40.968.999.648	9.887.222.229
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		2.290.827.250	2.290.827.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.063.576.879.105	1.025.555.086.789
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	1.063.576.879.105	1.025.555.086.789
411	1. Vốn cổ phần		762.499.560.000	762.499.560.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		762.499.560.000	762.499.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.686.613.494	93.686.613.494
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.390.000)	(3.390.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		88.189.793.248	50.168.000.932
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		50.168.000.932	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		38.021.792.316	50.168.000.932
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.364.730.914.476	2.262.222.898.004

Nguyễn Văn Việt
Người lập

Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng



Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	374.306.027.433	642.060.294.706
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(340.747.122.270)	(564.036.649.894)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.558.905.163	78.023.644.812
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	9.226.143.902	4.499.909.616
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(19.335.909.934) (17.228.062.633)	(32.830.140.858) (16.978.830.451)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(1.488.871.363)	(9.073.950.494)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(13.132.856.882)	(10.052.000.457)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.827.410.886	30.567.462.619
31	9. Thu nhập khác	26	31.738.269.272	3.564.278.450
32	10. Chi phí khác	26	(2.543.887.842)	(5.183.190.323)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	26	29.194.381.430	(1.618.911.873)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		38.021.792.316	28.948.550.746
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(159.520.453)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		38.021.792.316	28.789.030.293



Nguyễn Văn Việt
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng




Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		38.021.792.316	28.948.550.746
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	8.545.333.621	10.192.134.608
03	(Hoàn nhập các khoản dự phòng) dự phòng		(2.760.617.456)	12.729.725.543
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(35.518.735.910)	(5.420.600.139)
06	Chi phí lãi vay	24	17.228.062.633	16.978.830.451
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.515.835.204	63.428.641.209
09	Tăng các khoản phải thu		(99.093.078.346)	(206.974.705.151)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(22.010.663.940)	38.628.751.466
11	Tăng các khoản phải trả		45.581.119.115	111.330.859.794
12	Giảm chi phí trả trước		3.126.684.361	8.508.710.173
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.330.746.641)	(17.330.391.059)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.256.791.666)	(1.689.833.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(67.467.641.913)	(4.097.966.568)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(46.644.755.672)	(27.240.011.832)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		36.576.331.149	5.962.345.455
23	Tiền chi cho vay		-	(21.436.394.712)
24	Tiền thu hồi cho vay		16.000.000.000	15.136.394.712
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(14.937.640.000)	(1.340.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.450.000.000	1.725.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia		61.778.134.735	4.116.650.006
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		58.222.070.212	(23.076.016.371)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		363.494.329.321	424.628.959.375
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(323.140.445.563)	(397.011.046.399)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40.353.883.758	27.617.912.976

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		31.108.312.057	443.930.037
60	Tiền đầu kỳ		22.761.299.104	27.853.221.083
70	Tiền cuối kỳ	4	53.869.611.161	28.297.151.120



Nguyễn Văn Việt
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng



Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 226 (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 198).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 11 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9 Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

► *Quý khen thưởng, phúc lợi*

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

4. TIỀN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	435.243.687	114.750.363
Tiền gửi ngân hàng	53.434.367.474	22.646.548.741
TỔNG CỘNG	53.869.611.161	22.761.299.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ khách hàng	588.094.957.224	566.836.198.727
- Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	232.169.782.513	268.764.795.861
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	72.555.608.979	-
- Bệnh viện II Lâm Đồng	38.924.469.546	40.216.137.319
- Ban QLDA Các công trình Điện Miền Nam	38.346.613.403	68.248.771.011
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	24.396.803.602	-
- Các khách hàng khác	181.701.679.181	189.606.494.536
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>139.952.994.778</u>	<u>104.146.349.172</u>
TỔNG CỘNG	<u>728.047.952.002</u>	<u>670.982.547.899</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(28.940.654.583)</u>	<u>(31.652.430.939)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>699.107.297.419</u>	<u>639.330.116.960</u>

Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	31.652.430.939	39.420.333.649
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	788.223.644	1.878.415.136
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(3.500.000.000)</u>	<u>(5.000.000.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>28.940.654.583</u>	<u>36.298.748.785</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho người bán	126.374.709.406	96.963.939.278
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đắc Đạo	27.337.657.307	28.931.101.035
- Công ty TNHH Speco	20.311.200.000	-
- Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	16.147.880.000	16.147.880.000
- Các nhà cung cấp khác	62.577.972.099	51.884.958.243
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>100.962.965.207</u>	<u>87.540.746.138</u>
TỔNG CỘNG	<u>227.337.674.613</u>	<u>184.504.685.416</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 28) (*)	4.458.917.302	4.944.279.412
Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 28) (**)	<u>100.865.989.843</u>	<u>118.824.373.586</u>
TỔNG CỘNG	<u>105.324.907.145</u>	<u>123.768.652.998</u>

(*) Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND			
Công ty Cổ phần Licogi 16.1				
Hợp đồng số 40/HĐ- Licogi16-Kto	<u>4.458.917.302</u>	12 tháng	9	Tín chấp

(**) Chi tiết khoản cho vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND			
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12				
Hợp đồng số 020/HĐ- Licogi16-Kto	<u>100.865.989.843</u>	36 tháng	9,5	Tín chấp

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tạm ứng	124.476.585.074	117.655.124.325
Phải thu chuyển nhượng vốn	32.939.440.000	32.939.440.000
Phải thu lãi vay	7.691.455.474	64.001.588.313
Khác	<u>17.364.992.271</u>	<u>15.909.934.145</u>
TỔNG CỘNG	<u>182.472.472.819</u>	<u>230.506.086.783</u>
<i>Trong đó:</i>		
Bên khác	149.236.932.218	139.576.596.875
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>33.235.540.601</u>	<u>90.929.489.908</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bất động sản dở dang (*)	207.855.266.648	207.384.820.250
Các công trình xây dựng dở dang	30.408.764.777	8.973.276.675
Nguyên vật liệu xây dựng	19.678.118.695	20.498.157.458
Công cụ, dụng cụ	1.805.533.418	880.765.215
Hàng hóa bất động sản	1.082.515.506	1.082.515.506
TỔNG CỘNG	<u>260.830.199.044</u>	<u>238.819.535.104</u>

(*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	86.292.358.594	85.824.817.763
Khu dân cư Bảo Lộc 17ha	72.600.030.620	72.597.125.053
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	34.962.877.434	34.962.877.434
Khu dân cư Phước Thiện 33ha	14.000.000.000	14.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>207.855.266.648</u>	<u>207.384.820.250</u>

Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha, Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha và Khu dân cư Bảo Lộc 17ha được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1 và 20.2).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phí tư vấn	8.983.007.391	9.158.242.391
Công cụ, dụng cụ	151.718.581	1.662.671.357
Khác	482.819.201	410.438.597
	<u>9.617.545.173</u>	<u>11.231.352.345</u>
Dài hạn		
Phí bảo lãnh ngân hàng	1.137.692.309	2.362.291.667
Công cụ, dụng cụ	233.500.460	455.764.657
Khác	-	66.013.634
	<u>1.371.192.769</u>	<u>2.884.069.958</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.988.737.942</u>	<u>14.115.422.303</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	685.198.283	351.865.654.277	55.769.040.849	2.016.435.331	410.336.328.740
Mua trong kỳ	-	21.935.490.533	6.462.557.364	-	28.398.047.897
Thanh lý	(685.198.283)	(296.510.082.119)	(6.956.661.822)	-	(304.151.942.224)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	77.291.062.691	55.274.936.391	2.016.435.331	134.582.434.413
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	3.225.464.831	6.061.677.717	549.612.602	9.836.755.150
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(537.826.043)	(304.206.005.994)	(17.531.883.848)	(1.275.331.933)	(323.551.047.818)
Khấu hao trong kỳ	(6.814.540)	(4.075.871.780)	(3.748.577.718)	(113.304.241)	(7.944.568.279)
Thanh lý	544.640.583	290.241.225.048	4.051.235.540	-	294.837.101.171
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	(18.040.652.726)	(17.229.226.026)	(1.388.636.174)	(36.658.514.926)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	147.372.240	47.659.648.283	38.237.157.001	741.103.398	86.785.280.922
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	59.250.409.965	38.045.710.365	627.799.157	97.923.919.487
Trong đó:					
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 20.1 và 20.2)	-	21.668.209.367	11.233.077.016	-	32.901.286.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	972.000.000	9.665.060.000	10.637.060.000
Thanh lý	(972.000.000)	-	(972.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	9.665.060.000	9.665.060.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(3.574.748.219)	(3.574.748.219)
Hao mòn trong kỳ	-	(600.765.342)	(600.765.342)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	(4.175.513.561)	(4.175.513.561)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	972.000.000	6.090.311.781	7.062.311.781
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	5.489.546.439	5.489.546.439

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.599.051.281	72.441.646.549
Khác	-	1.452.027.555
TỔNG CỘNG	72.599.051.281	73.893.674.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	131.285.346.377	136.737.706.377
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	630.233.593.569	615.843.593.569
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(138.026.095.947)</u>	<u>(138.074.937.047)</u>
TỔNG CỘNG	<u>623.492.843.999</u>	<u>614.506.362.899</u>

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>	
	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điện Phước	77.285.346.377	95,00	76.737.706.377	95,00
Công ty TNHH Siêu Thành	<u>54.000.000.000</u>	90,00	<u>60.000.000.000</u>	100,00
TỔNG CỘNG	<u>131.285.346.377</u>		<u>136.737.706.377</u>	

Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điện Phước (“Điện Phước”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“Giấy chứng nhận”) số 4102022453 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Điện Phước có trụ sở đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Điện Phước là đầu tư và phát triển khu dân cư.

Công ty TNHH Siêu Thành (“Siêu Thành”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận số 4102061411 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Siêu Thành có trụ sở đăng ký tại số 24A Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Siêu Thành là kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	Đầu tư và xây dựng khu dân cư để bán và cho thuê	308.500.528.000	30,00	308.500.528.000	30,00
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel	123.508.733.758	22,00	123.508.733.758	22,00
Công ty Cổ phần BOT 38	Đầu tư và phát triển hạ tầng	72.500.000.000	29,00	72.500.000.000	29,00
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Đầu tư xây dựng khu dân cư	42.939.440.000	40,00	42.939.440.000	40,00
Công ty Cổ phần Licogi 166	Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	40.894.891.811	46,42	40.894.891.811	46,42
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	21.390.000.000	34,50	7.000.000.000	35,00
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng	12.000.000.000	46,15	12.000.000.000	46,15
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp	4.500.000.000	30,00	4.500.000.000	30,00
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng	4.000.000.000	36,36	4.000.000.000	36,36
TỔNG CỘNG		630.233.593.569		615.843.593.569	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(138.026.095.947)		(138.074.937.047)	
GIÁ TRỊ THUẬN		492.207.497.622		477.768.656.522	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	164.525.861.580	222.930.164.888
Phải trả người bán khác	139.193.259.313	112.665.079.006
TỔNG CỘNG	<u>303.719.120.893</u>	<u>335.595.243.894</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Người mua trả tiền trước	230.026.002.302	181.826.532.860
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	94.544.227.028	105.000.000.000
- Bệnh viện II Lâm Đồng	40.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn	33.960.400.000	-
- Khác	61.521.375.274	56.826.532.860
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 28)	36.494.026.474	61.840.969.014
TỔNG CỘNG	<u>266.520.028.776</u>	<u>243.667.501.874</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	11.905.591	-	-	11.905.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	6.028.349.208	-	-	6.028.349.208
Thuế thu nhập cá nhân	1.376.583.425	1.054.769.700	(1.340.841.312)	1.090.511.813
Thuế nhà thầu	732.683.354	-	-	732.683.354
Khác	4.398.556	-	(3.000.000)	1.398.556
TỔNG CỘNG	<u>8.153.920.134</u>	<u>1.054.769.700</u>	<u>(1.343.841.312)</u>	<u>7.864.848.522</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí dự án các công trình xây dựng	138.320.183.677	98.400.436.462
Tiền hoa hồng	4.495.689.062	4.495.689.062
Lương thưởng tháng 13	1.376.978.129	2.193.098.188
Lãi vay	717.565.031	820.249.039
Khác	-	200.184.003
TỔNG CỘNG	<u>144.910.415.899</u>	<u>106.109.656.754</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Phạt thuế	44.256.475.978	47.313.588.730
Nhận tạm ứng	27.226.530.618	27.116.530.618
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	481.909.394	496.734.868
Khác	<u>4.030.696.838</u>	<u>3.583.277.863</u>
	<u>75.995.612.828</u>	<u>78.510.132.079</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	<u>65.443.351</u>	<u>65.443.351</u>
TỔNG CỘNG	<u>76.061.056.179</u>	<u>78.575.575.430</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Bên khác</i>	68.424.432.491	71.973.951.742
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	7.636.623.688	6.601.623.688

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vay ngắn hạn	347.646.253.083	316.403.051.905	276.625.958.175	387.423.346.813
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	327.892.573.083	299.203.051.905	260.402.278.175	366.693.346.813
Vay từ cá nhân (Thuyết minh số 20.3)	19.753.680.000	7.200.000.000	16.223.680.000	10.730.000.000
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 20.4 và 28)	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Vay dài hạn	92.398.408.104	47.091.277.416	46.514.487.388	92.975.198.132
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	43.887.222.229	37.091.277.416	28.578.166.664	52.400.332.981
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 20.4 và 28)	48.511.185.875	10.000.000.000	17.936.320.724	40.574.865.151
TỔNG CỘNG	440.044.661.187	363.494.329.321	323.140.445.563	480.398.544.945

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả
Vay dài hạn

82.511.185.875
9.887.222.229

52.006.198.484
40.968.999.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sâu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 18-0815/HĐTM/HCM ngày 7 tháng 9 năm 2015 kèm theo phụ lục bổ sung số 18-0815/HĐTM.HCM.01 ngày 7 tháng 4 năm 2016	135.118.343.226	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 3 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha (Thuyết minh số 9)
Hợp đồng vay số 06-09.13/HĐTDHM/TPB.HCM ngày 10 tháng 9 năm 2013 kèm theo phụ lục bổ sung	34.834.917.827	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 1 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	8,2 – 8,6	Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa (Thuyết minh số 5)
Hợp đồng vay số 17-04.15/HĐTDHM/TPBANK.HCM ngày 16 tháng 4 năm 2015	1.209.431.300	Ngày 18 tháng 7 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	8,2 – 8,5	Tài sản cố định theo các hợp đồng thế chấp tài sản (Thuyết minh số 11)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn

Hợp đồng vay số 775/2013/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013 kèm phụ lục bổ sung số 09-775/2013/HĐ ngày 30 tháng 5 năm 2016	144.407.015.113	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 12 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	8 – 10,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha, Quyền sử dụng đất tại Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Khu dân cư Bảo Lộc 17ha (Thuyết minh số 9)
---	-----------------	--	----------------------	----------	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn					
Hợp đồng vay số 6220-LAV-201500007/HBTD ngày 16 tháng 12 năm 2014	43.060.172.231	Từ ngày 18 tháng 11 năm 2016 đến ngày 25 tháng 12 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Dự án Chung cư Nam An thuộc sở hữu của Siêu Thành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân – Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng vay số 012/16/HĐMB/101-76 ngày 26 tháng 4 năm 2016	8.063.467.116	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2016 đến ngày 29 tháng 12 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9	Các hợp đồng kinh tế mà công ty Licogi 16 đã ký theo Hợp đồng thế chấp số 012/16/HĐMB/101-76

TỔNG CỘNG **366.693.346.813**

20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng số 402/2016/95893/HĐTD ngày 3 tháng 3 năm 2016	37.091.277.416	60 tháng từ ngày 4 tháng 3 năm 2016	Mua sắm TSCĐ	12	Tài sản cố định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 474/2016/95893/HĐBĐ (Thuyết minh số 11)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 03-04.15/HĐTĐTH/TPB.HCM ngày 13 tháng 5 năm 2015	7.498.666.668	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2016 đến ngày 14 tháng 5 năm 2018	Thanh toán tiền mua 8 chiếc xe Tata Dea Woo	9,3	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03-04.15/HĐTĐTH/TPB.HCM và 05-07.13/HĐTĐTH/TPB.HCM (Thuyết minh số 11)
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả	3.749.333.333				
Hợp đồng số 01/14-11.11/HĐTĐHM/TPB.HCM ngày 28 tháng 2 năm 2013	7.425.000.000	Ngày 5 tháng 7 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9,8	Quyền sử dụng đất của 59 lô đất với diện tích là 144.423 m ² tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha (Thuyết minh số 9)
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả	7.425.000.000				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh (tiếp theo)					
Hợp đồng số 07-03.15/HĐTĐTH/TPBANK.HCM ngày 20 tháng 3 năm 2015	256.666.665	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2016 đến ngày 20 tháng 3 năm 2018	Thanh toán tiền mua xe Ford Ranger	9,3	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 07-03.15/HĐTĐTH/TPBANK.HCM (Thuyết minh số 11)
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	146.666.667				
Hợp đồng số 26-08.14/HĐTĐTH/TPB.HCM ngày 20 tháng 8 năm 2014	128.722.232	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017	Mua xe ô tô	9,6	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 26-08.13/HĐTĐTH/TPBANK.HCM (Thuyết minh số 11)
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	110.333.333				
TỔNG CỘNG	52.400.332.981				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	11.431.333.333				
Vay dài hạn	40.968.999.648				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay từ cá nhân

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Nhân viên của Công ty	10.730.000.000	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 7 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tin chấp

Trong đó:

Vay từ bên liên quan
(Thuyết minh số 28)

5.500.000.000

20.4 Các khoản vay từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	10.000.000.000	Ngày 20 tháng 9 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	5,5	Tin chấp
Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:					
Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	40.574.865.151	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không lãi suất	Tin chấp

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

40.574.865.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế)	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	762.499.560.000	357.076.451.515	(3.390.000)	119.204.302.363	(263.389.838.021)	975.387.085.857
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	28.789.030.293	28.789.030.293
Xóa lỗ lũy kế bằng thặng dư vốn cổ phần	-	(263.389.838.021)	-	-	263.389.838.021	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	28.789.030.293	1.004.176.116.150
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	50.168.000.932	1.025.555.086.789
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	38.021.792.316	38.021.792.316
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	88.189.793.248	1.063.576.879.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>762.499.560.000</u>	<u>762.499.560.000</u>

21.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	76.249.956	76.249.956
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.249.956	76.249.956
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(338)	(338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.249.618	76.249.618

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Doanh thu dịch vụ xây dựng	338.798.078.718	624.299.113.823
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	29.072.200.840	317.311.366
Doanh thu bán hàng	6.435.747.875	17.443.869.517
TỔNG CỘNG	<u>374.306.027.433</u>	<u>642.060.294.706</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.176.143.902	3.713.849.616
Cổ tức	1.050.000.000	498.750.000
Khác	-	287.310.000
TỔNG CỘNG	<u>9.226.143.902</u>	<u>4.499.909.616</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn dịch vụ xây dựng	332.962.544.872	547.079.307.109
Giá vốn hàng bán	6.889.926.466	16.943.751.455
Giá vốn dịch vụ khác	894.650.932	13.591.330
TỔNG CỘNG	<u>340.747.122.270</u>	<u>564.036.649.894</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi vay	17.228.062.633	16.978.830.451
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	550.000.000 (48.841.100)	-
Khác	1.606.688.401	-
TỔNG CỘNG	<u>19.335.909.934</u>	<u>32.830.140.858</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí bán hàng	1.488.871.363	9.073.950.494
- Chi phí hoa hồng tư vấn	1.313.636.363	8.197.434.528
- Chi phí khác	175.235.000	876.515.966
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.632.856.882	15.052.000.457
- Chi phí lương	8.325.292.808	6.262.819.447
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.748.173.074	2.541.786.935
- Chi phí khấu hao	820.686.249	915.079.047
- Chi phí dự phòng	788.223.644	1.878.415.136
- Chi phí khác	3.950.481.107	3.453.899.892
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.500.000.000)	(5.000.000.000)
TỔNG CỘNG	<u>14.621.728.245</u>	<u>19.125.950.951</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Thu nhập khác	31.738.269.272	3.564.278.450
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	28.294.619.563	983.000.523
Phí bảo lãnh	1.727.898.390	1.923.748.044
Khác	1.715.751.319	657.529.883
Chi phí khác	(2.543.887.842)	(5.183.190.323)
Phí bảo lãnh	(1.113.166.343)	(1.275.198.733)
Chi phí khấu hao của tài sản cố định ngưng sử dụng	-	(3.182.373.495)
Khác	(1.430.721.499)	(725.618.095)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>29.194.381.430</u>	<u>(1.618.911.873)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.021.792.316	28.948.550.746
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Thay đổi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	15.851.310.407
Chi phí không được khấu trừ	2.610.090.945	3.182.373.495
Thay đổi lãi cho vay dự thu	-	(3.858.724.451)
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	(2.711.776.356)	(3.121.584.864)
Chênh lệch chi phí khấu hao	(3.055.986.988)	-
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	-	(41.536.000)
Cổ tức nhận được	(1.050.000.000)	(498.750.000)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	33.814.119.917	40.461.639.333
Lỗ năm trước chuyển sang	(33.814.119.917)	(40.461.639.333)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	6.028.349.208	6.028.349.208
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	6.028.349.208	6.028.349.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

Các chênh lệch tạm thời

Lỗi chuyển sang các năm sau	73.717.432.407
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	28.940.654.583
Chênh lệch chi phí khấu hao	6.243.217.875
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.495.689.062
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.290.827.250

TỔNG CỘNG

115.687.821.177

Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 73.717.432.407 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 107.531.552.324 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
2013	2018	(83.297.916.546)	56.151.981.766	-	(27.145.934.780)
2015	2020	(46.571.497.627)	-	-	(46.571.497.627)
TỔNG CỘNG		<u>(129.869.414.173)</u>	<u>56.151.981.766</u>	-	<u>(73.717.432.407)</u>

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty Vay Phí bảo lãnh Cổ tức được nhận Tạm ứng thực hiện dự án	82.090.144.034 10.000.000.000 1.703.500.026 1.050.000.000 -	96.418.354.270 - 1.964.159.407 498.750.000 46.561.000.000
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng Vay Nhận tạm ứng	92.818.203.843 - -	26.272.530.900 60.889.003.273 55.058.054.718
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty Bán tài sản Chi phí tài chính Doanh thu cho thuê máy, thiết bị Doanh thu khác Mua nguyên vật liệu Nhận tạm ứng	38.573.918.742 4.874.342.072 1.606.688.401 981.770.218 640.028.405 51.103.142 -	23.636.287.600 - - - - 5.283.984.194 13.606.466.815
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty Lãi cho vay Bán nguyên vật liệu	11.110.188.770 202.880.737 -	70.185.843.907 353.013.435 6.458.216.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Doanh thu môi giới bất động sản (*) (*) Phần trăm phí môi giới được hưởng	15.834.471.814	-
		Doanh thu dịch vụ tư vấn giải tỏa đền bù đất Lãi cho vay (**) (**) Lãi suất cho vay	12.500.000.000 7.845.128.430 14,3%	- 3.133.743.452 9,5%
		Cho vay Dịch vụ xây dựng	- -	10.600.000.000 6.311.423.430
Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điện Phước	Công ty con	Góp vốn	547.640.000	1.340.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	-	2.827.913.924
Công ty TNHH Siêu Thành	Công ty con	Tạm ứng	-	200.000.000
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Vay	9.500.000.000	4.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>VND</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	67.434.163.917	44.957.696.420	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	57.117.724.385	50.539.760.978	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	7.811.480.332	665.725.566	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	5.908.200.704	4.078.310.675	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	1.321.425.440	1.321.425.440	
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	360.000.000	240.000.000	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	2.103.430.093	
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	240.000.000	
TỔNG CỘNG			139.952.994.778	104.146.349.172	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	54.056.482.630	40.634.263.561	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	35.248.708.602	35.248.708.602	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	7.937.845.052	7.937.845.052	
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.719.928.923	3.719.928.923	
TỔNG CỘNG			100.962.965.207	87.540.746.138	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<i>VND</i>				
Phải thu về cho vay				
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Cho vay	100.865.989.843	118.824.373.586
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Cho vay	4.458.917.302	4.944.279.412
TỔNG CỘNG			105.324.907.145	123.768.652.998
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng	9.590.000.000	9.590.000.000
		Lãi cho vay	3.379.121.146	3.277.680.778
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Tạm ứng	10.495.891.968	10.495.891.968
Công ty TNHH Siêu Thành	Công ty con	Tạm ứng	5.418.863.309	6.802.679.777
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Lãi cho vay	4.312.334.329	60.723.907.536
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Phí bảo lãnh	39.329.849	39.329.849
TỔNG CỘNG			33.235.540.601	90.929.489.908
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(88.439.330.484)	(103.409.844.702)
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(68.767.137.041)	(102.692.242.906)
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(5.199.211.240)	(7.542.619.465)
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(2.120.182.815)	(2.470.182.815)
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	(6.815.275.000)
TỔNG CỘNG			(164.525.861.580)	(222.930.164.888)

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>VND</i>				
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Tạm ứng	(32.698.896.936)	(61.840.969.014)
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng	(3.795.129.538)	-
TỔNG CỘNG			(36.494.026.474)	(61.840.969.014)
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng	(5.130.953.534)	(5.130.953.534)
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Đặt cọc	(1.325.174.659)	(400.174.659)
		Tạm ứng	(580.495.495)	(1.070.495.495)
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Tạm ứng	(600.000.000)	-
TỔNG CỘNG			(7.636.623.688)	(6.601.623.688)
<i>Vay</i>				
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Vay	(40.574.865.151)	(48.511.185.875)
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Vay	(10.000.000.000)	-
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Vay	(5.500.000.000)	-
TỔNG CỘNG			(56.074.865.151)	(48.511.185.875)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và thưởng	<u>2.183.191.863</u>	<u>1.915.180.253</u>

29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	1.221.000.000	1.221.000.000
Trên 1 đến 5 năm	<u>2.849.000.000</u>	<u>3.459.500.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.070.000.000</u>	<u>4.680.500.000</u>

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 15/HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2016, Công ty sẽ tham gia góp 30% vốn điều lệ, tương đương 15.000.000.000 VND để thành lập Công ty TNHH Khu Đô Thị Phước Thiên ("Phước Thiên"). Cho đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Phước Thiên đang trong quá trình đăng ký Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Văn Việt
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng



Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016